

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2021/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đồi với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đồi với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm quy định tại: Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, khoản 1 Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất bị xử phạt vi phạm hành chính về đất đai và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Điều 3. Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được xác định như sau:

1. Theo giấy tờ về quyền sử dụng đất hợp pháp hoặc hồ sơ địa chính, các thông tin khác có liên quan: Ảnh chụp, các thông tin, bằng chứng do người dân nơi có đất, người sử dụng đất liên hệ, tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

2. Đối với trường hợp chưa có hồ sơ địa chính thì căn cứ nguồn gốc sử dụng đất, đối chiếu với các thửa đất cùng mục đích sử dụng liền kề hoặc trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân cấp xã xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (Quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

Trường hợp tự ý chuyển mục đích đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng, đất nuôi trồng thủy sản; tự ý chuyển mục đích đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp thì phải thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng để đảm bảo sử dụng đất vào mục đích trồng lúa.

Điều 5. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (Quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

1. Trường hợp chuyển các loại đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất sang mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp hoặc sang đất phi nông nghiệp thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất rừng như trước khi vi phạm. Việc trồng lại rừng thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trường hợp việc cải tạo lại mặt bằng có thể gây nguy hiểm cho con người, có nguy cơ ảnh hưởng đến các thửa đất liền kề, các công trình xây dựng xung quanh thì buộc phải thực hiện các biện pháp và xây dựng các công trình bảo vệ để đưa toàn bộ diện tích đất về trạng thái an toàn.

Điều 6. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp sử dụng đất nông nghiệp không phải là các loại: đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (Quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

1. Trường hợp chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản dưới hình thức ao, hồ, đầm thì phải thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng để đảm bảo sử dụng đất vào mục đích trồng cây hàng năm khác.

2. Trường hợp chuyển đất trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp thì phải thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng để đảm bảo sử dụng đất vào mục đích ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 7. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (Quy định tại Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

Trường hợp sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 8. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định (Quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để tiếp tục trồng lúa.

Điều 9. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi lấn, chiếm đất (Quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

Trường hợp lấn, chiếm đất quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP thì buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 10. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất (Quy định tại Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

1. Trường hợp làm biến dạng địa hình:

a) Buộc thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng đảm bảo sử dụng đất theo mục đích thửa đất trước khi vi phạm.

Trường hợp làm thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất do lấy đất dùng vào việc khác hoặc làm cho bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề: Nếu việc thực hiện san lấp lại độ cao ban đầu có thể gây nguy hiểm cho con người, có nguy cơ ảnh hưởng đến các thửa đất liền kề, các công trình xây dựng xung quanh thì buộc phải thực hiện các biện pháp và xây dựng các công trình bảo vệ để đưa toàn bộ diện tích đất về trạng thái an toàn.

b) Buộc phải thực hiện thu hồi vật liệu đã san lấp, trả lại tình trạng ban đầu khi thực hiện hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước; buộc phải hạ thấp, trả lại mặt bằng ban đầu và cải tạo, phục hồi đất khi thực hiện hành vi san lấp nâng cao bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp so với các thửa đất liền kề.

2. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất:

a) Trường hợp làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Buộc phải thực hiện phục hồi độ dày tầng đất canh tác, cải tạo đất đảm bảo sử dụng đất theo mục đích thửa đất trước khi vi phạm.

b) Trường hợp làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng: Buộc thu hồi toàn bộ các vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác đã đưa vào bề mặt đất và thực hiện cải tạo đất để đảm bảo sử dụng đất theo mục đích thửa đất trước khi vi phạm.

c) Trường hợp gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp: Buộc thực hiện các biện pháp chống xói mòn, rửa trôi và san lấp, cải tạo đất để đảm bảo sử dụng đất theo mục đích thửa đất trước khi vi phạm.

Điều 11. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác (Quy định tại Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP)

1. Trường hợp đưa vật liệu xây dựng hoặc các vật khác lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình mà gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác; đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác: Buộc di dời công trình xây dựng trên thửa đất, di chuyển các vật liệu xây dựng, các vật khác ra khỏi diện tích đất vi phạm; san lấp diện tích đất đã đào bới, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

2. Trường hợp đưa chất thải, chất độc hại lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác: Buộc thu hồi toàn bộ các chất thải, chất độc hại đã đưa vào bề mặt đất và thực hiện cải tạo đất, xử lý các chất thải, chất độc hại đó đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo đưa đất vào sử dụng theo mục đích thửa đất trước khi vi phạm.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tổ chức triển khai và phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp hướng dẫn việc trồng lại rừng quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này khi có đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh bất cập, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ban, ngành có trách nhiệm phản ánh đầy đủ, kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.